

Bản án số: 82/2023/DSST

Ngày: 17/7/2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Ông Trần Quang Đông

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long tham gia phiên tòa:** Không có.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2023/TLDS-ST, ngày 09/5/2023, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1957; địa chỉ số M, đường L, Phường H, thành phố V, tỉnh Vinh Long. (có mặt)

* **Bị đơn:** Nguyễn Dạ T; địa chỉ số M, Khóm M, đường N, Phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2023, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Giữa bà với bà Nguyễn Dạ T là dì cháu quen biết, do cần vốn làm ăn nên ngày 18/8/2014 bà T có hỏi vay của bà số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và 1.500USD (Một ngàn năm trăm đô la Mỹ); bà đồng ý nên đã giao tiền cho bà T tại nhà của bà, có làm biên nhận; không thời hạn thanh toán, khi nào

cần thì trả lại; lãi suất thỏa thuận miệng 3%/tháng nhưng không có ghi trong biên nhận; bà T không có thể chấp tài sản.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã đóng được 01 tháng tiền lãi trên số tiền Việt Nam bằng 900.000đ thì không thanh toán nữa và cũng không trả tiền gốc. Khoảng cuối năm 2015, bà yêu cầu bà T trả lại tiền nhưng bà T cố tình né tránh không thanh toán. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T hoàn trả cho bà tiền gốc 30.000.000đ và 1.500USD, đồng thời yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền Việt Nam đồng.

Bị đơn Nguyễn Dạ T đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ tại thành phố Vĩnh Long để yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền gốc vay, cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về “*Hợp đồng dân sự*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Nguyễn Dạ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng bà T vẫn cố tình vắng mặt, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về nội dung:** Căn cứ vào hai Biên nhận cùng ngày 18/8/2014 do bà Nguyễn Dạ T viết và ký tên với nội dung bà T có nhận của bà Nguyễn Thị Tuyết N số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và 1.500USD (Một ngàn năm trăm đô đa Mỹ). Quá trình giải quyết bà T không có ý kiến phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định bà T có vay của bà N số tiền 30.000.000đ và 1.500USD là sự thật.

[4] Xét giao dịch dân sự ngày 18/8/2014 giữa bà N với bà T đối với số tiền 30.000.000đ, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào hai biên nhận ngày 18/8/2014 cho thấy đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Bà N có quyền đòi lại bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước một thời gian hợp lý; năm 2015, bà N có nhu cầu đòi lại số tiền gốc vay nên nhiều lần đến yêu cầu bà T thanh toán nhưng đến nay vẫn không thanh toán; mặt khác, trong quá trình giải quyết Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long tổng đạt cho bà T thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng bà T vẫn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Như vậy, cho thấy bà T đã cố tình trốn tránh trách nhiệm và nghĩa vụ trả nợ đối với bà N. Cho nên, bà N khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền gốc, lãi là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Việc tính lãi như sau: $30.000.000đ \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 97 \text{ ngày}$ (11/4/2023 đến 17/7/2023) = 797.000đ. Tuy nhiên, bà N đã nhận số tiền 900.000đ, cho nên số tiền lãi bà N nhận thừa 103.000đ sẽ được trừ vào vốn. Như vậy, số tiền vốn còn lại bằng 29.897.000đ.

[6] Xét giao dịch dân sự ngày 18/8/2014 giữa bà N với bà T đối với khoản vay 1.500USD, Hội đồng xét xử thấy: Tại Điều 22 của Pháp lệnh về ngoại hối năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2013) quy định: *“Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá trong hợp đồng, thỏa thuận và các hình thức tương tự khác của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”*. Đối chiếu quy định này thì bà N và bà T không đảm bảo đủ điều kiện được giao dịch ngoại hối theo quy định của pháp luật. Vì vậy, giao dịch dân sự bằng ngoại hối vào ngày 18/8/2014 giữa bà N và bà T bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật được quy định tại Điều 122, Điều 123 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu, do giao dịch bằng ngoại hối của các bên là vô hiệu, căn cứ Điều 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, cho nên buộc bà T phải hoàn trả cho bà N số tiền 1.500 USD (Một nghìn năm trăm đô la Mỹ) được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỉ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm (Công văn số: 217/TB-NHNN, ngày 17/7/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam), $1\text{USD} = 23.701\text{VNĐ}$. Như vậy $1.500\text{USD} \times 23.701\text{VNĐ} = 35.552.000đ$.

[8] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu **toàn bộ** án phí dân sự sơ thẩm là 3.272.000đ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 122, 123, 131, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về nội dung

1.1. Chấp nhận **yêu cầu** khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết N. Buộc bà Nguyễn Dạ T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà N số tiền gốc 29.897.000đ (Hai mươi chín triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

1.2. Tuyên bố giao dịch dân sự ngày 18/8/2014 giữa bà Nguyễn Thị Tuyết N với bà Nguyễn Dạ T bị vô hiệu một phần đối với khoản vay 1.500USD.

Buộc bà Nguyễn Dạ T phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N số tiền 1.500USD (Một ngàn năm trăm đô la Mỹ) được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỉ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm, tương ứng với số tiền 35.552.000đ (Ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi hai ngàn đồng).

2. Về án phí

Buộc bà Nguyễn Dạ T phải chịu 3.272.000đ (Ba triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nghĩa vụ thi hành án

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo

Báo cho bà Nguyễn Thị Tuyết N biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Dạ T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,...

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Võ Tấn Thành